ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1866 /QĐ-UBND	*Khánh Hòa, ngày 03 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Khánh Hòa 5 năm giai đoạn 2026 - 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/04/2026 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 48-NQ/TU, ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 3031/TTr-SKHCN ngày 27/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Khánh Hòa 5 năm giai đoạn 2026 - 2030" (sau đây gọi tắt là Kế hoạch).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- UB MTTQ VN và các TC CT-XH tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Báo và PTTH Khánh Hòa;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: LĐ, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, CNG, NNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Nguyễn Thanh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH KHÁNH HÒA 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1866 /QĐ-UBND ngày /03 /6 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. Một số kết quả nổi bật

1. Vê tiềm lực KH, CN&ĐMST

- Về nhân lực cho KH, CN&ĐMST:

Khánh Hòa là địa phương có đội ngũ cán bộ KH&CN dồi dào, ước tính đạt hơn 2.900 người tham gia nghiên cứu (13 người/vạn dân); tập trung vào khoa học biển, chế biến thủy sản, vaccine, nông nghiệp công nghệ cao, thú y.

- Tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

Toàn tỉnh có 22 tổ chức KH&CN công lập, 24 tổ chức ngoài công lập, 09 viện/trung tâm thuộc bộ ngành, 05 trường đại học; 14 doanh nghiệp KH&CN với doanh thu hơn 200 tỷ đồng năm 2025.

- Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) cấp tỉnh:

Kết quả PII năm 2025 cho thấy tỉnh Khánh Hòa đạt 46,54 điểm, xếp hạng 9/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, với nhiều chỉ số thành phần đạt kết quả tích cực, nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước, như: Chỉ số sản xuất công nghiệp; tốc độ tăng năng suất lao động; số doanh nghiệp ngành dịch vụ và chuyên môn khoa học và công nghệ; số tổ chức khoa học và công nghệ trên 1 vạn dân; hạ tầng số; quản trị môi trường; mật độ doanh nghiệp; số đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích; số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên,…

- Năng lực đổi mới sáng tạo thông qua sở hữu công nghiệp:

Số đơn đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích tăng từ 17 đơn năm 2024 lên 36 đơn năm 2025, xếp thứ 7/34 tỉnh, thành phố; số đơn đăng ký nhãn hiệu tăng từ 381 lên 459 văn bằng; đối với kiểu dáng công nghiệp tăng từ 13 lên 21 văn bằng.

- Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:

Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Khánh Hòa hiện nay vẫn đang trong giai đoạn khởi đầu và dần hoàn thiện. Năm 2025, hoạt động thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Khánh Hòa có những bước chuyển

biến tích cực, tỉnh Khánh Hòa được Bộ Khoa học và Công nghệ tặng bằng khen là địa phương có nhiều thành tích, đóng góp tích cực trong công tác xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia năm 2025.

- Đóng góp của KH,CN&ĐMST vào tăng trưởng kinh tế:

Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP giai đoạn 2021 - 2025 ước đạt khoảng 40%, cao hơn so với giai đoạn trước, cho thấy vai trò ngày càng rõ nét của KH,CN&ĐMST trong nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, dù vẫn chưa đạt mức kỳ vọng.

- Về phân bổ ngân sách đầu tư:

Dữ liệu thống kê cho thấy riêng kinh phí đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ đổi mới sáng tạo của toàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 dao động từ 33 tỷ đến 41 tỷ mỗi năm (riêng năm 2025 chỉ giải ngân được khoảng 22 tỷ do phải xử lý các thủ tục trong quá trình hợp nhất tỉnh).

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST

- Nhiệm vụ KH,CN&ĐMST cấp tỉnh:

Trong giai đoạn 2021 - 2025, số nhiệm vụ ký hợp đồng tổ chức thực hiện trong mỗi năm đạt tối đa 25 nhiệm vụ. Kinh phí trung bình từ ngân sách nhà nước hỗ trợ khoảng 1,3 tỷ đồng/nhiệm vụ, trong đó: tập trung chủ yếu ở lĩnh vực khoa học nông nghiệp (chiếm khoảng 50 - 60%), tiếp đến là khoa học xã hội - nhân văn, khoa học tự nhiên và y dược.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ nhìn chung đã đóng góp rõ nét trong việc làm chủ quy trình sản xuất giống, nâng cao năng suất các cây trồng đặc trưng; làm chủ công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm nhiều loài thủy sản chủ lực, góp phần đưa Khánh Hòa trở thành địa phương có thế mạnh về nuôi biển và sản xuất giống thủy sản của cả nước. Đồng thời, tỉnh từng bước làm chủ công nghệ chế biến thủy sản theo hướng tự động hóa, nhà máy số; tích lũy nhiều tri thức mới về biển, tài nguyên biển, với một số kết quả nghiên cứu đạt trình độ công bố quốc tế và đăng ký bảo hộ sáng chế.

- Nhiệm vụ KH,CN&ĐMST cấp Quốc gia:

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Khánh Hòa triển khai 08 dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi, tập trung vào các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; đồng thời tham gia thực hiện một số nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc các Chương trình KC. Các nhiệm vụ, dự án đã góp phần giúp tổ chức, doanh nghiệp và người dân tiếp nhận, làm chủ công nghệ mới, nâng cao hiệu quả sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phát triển các mô hình kinh tế có giá trị cao. Một số hướng nghiên cứu nổi bật tập trung vào bảo tồn tài nguyên biển, công nghệ chế biến nông thủy sản, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chăn nuôi và công nghệ chế biến sản phẩm từ sinh vật biển. Tỷ lệ vốn đối ứng huy

động từ doanh nghiệp và các nguồn khác đạt 43,49%, góp phần giảm áp lực cho ngân sách nhà nước.

II. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1. Tồn tại, hạn chế

- Tỷ trọng đóng góp của KH,CN&ĐMST vào tăng trưởng GRDP của tỉnh Khánh Hòa còn thấp, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phát triển chậm, số doanh nghiệp KH&CN còn thấp, hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp chưa được coi trọng.

- Nguồn ngân sách đầu tư cho khoa học và công nghệ chưa đủ mạnh để trở thành nguồn lực dẫn dắt, kết quả tổng kết cho thấy, khả năng hấp thụ nguồn vốn đầu tư từ KH,CN&ĐMST vẫn còn thấp (Tối đa khoảng 41 tỷ/năm).

- Mặc dù PII xếp thứ 9/34 tỉnh thành nhưng các chỉ số thành phần cho thấy sự mất cân đối và thiếu bền vững, điển hình như:

+ Chỉ số về Dự án hoạt động sản xuất trong khu công nghiệp và Dự án đầu tư vào khu công nghiệp lại thuộc nhóm thấp nhất cả nước. Qua đó cho thấy quy mô sản xuất công nghiệp của Khánh Hòa còn rất thấp so với các địa phương khác.

+ Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh thuộc nhóm thấp của cả nước. Qua đó cho thấy trình độ lao động không đồng đều giữa các nhóm lao động khác nhau, hoặc năng suất lao động tăng là nhờ một số nhóm lao động trong các ngành công nghiệp, du lịch, dịch vụ… trong khi nhóm lao động ở các xã miền núi chưa thể cải thiện được năng suất lao động.

+ Mức chi R&D/GRDP cao nhưng chỉ số Chi ngân sách/GRDP ở nhóm thấp cho thấy khả năng giải ngân nguồn ngân sách trong đầu tư cho KH,CN&ĐMST chưa cao. Mật độ doanh nghiệp/1.000 dân nhóm cao nhưng số đơn đăng ký nhãn hiệu/1.000 doanh nghiệp lại thấp cho thấy trình độ phát triển của doanh nghiệp còn thấp hoặc các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhỏ chưa quan tâm đến thương hiệu, tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

+ Một số điểm yếu khác chưa được cải thiện qua nhiều năm như: Điểm trung bình tốt nghiệp THPT của tỉnh thuộc nhóm thấp nhất (trong những năm liên tiếp) nhưng chưa có giải pháp phù hợp để cải thiện trong dài hạn.

+ Các nhóm chỉ số đầu ra của sáng tạo như: Số lượng doanh nghiệp khoa học công nghệ; Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp thuộc nhóm thấp.

2. Nguyên nhân

- Số người làm nghiên cứu chuyên nghiệp (toàn thời gian) trên địa bàn tỉnh thì số lượng trên toàn tỉnh chưa đạt đến 500 người, tập trung trong lĩnh vực khoa học công nghệ biển, đại dương, vắc xin và sinh phẩm y tế, nông nghiệp, thú y, quản trị du lịch, thiếu hụt đáng kể trong lĩnh vực công nghiệp như: Cơ khí trình độ cao, kiến trúc, tự động hóa và đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế số. Mặt khác, những hạn chế về nhân lực trình độ cao cùng với cách thiết kế các nhiệm vụ nghiên cứu chưa thể gắn được với sản phẩm đủ tiềm năng thương mại hóa dẫn đến các kết quả mới chỉ giải quyết những vấn đề rời rạc.

- Việc tổ chức xây dựng các nhóm nghiên cứu thông qua việc hợp tác để tập hợp tri thức cũng như tối ưu hóa nguồn lực, tận dụng các cơ sở hạ tầng giữa các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh còn hạn chế. Một trong những nguyên nhân của điểm yếu này đó là cơ chế, quy chế quản lý sử dụng các tài sản, phòng thí nghiệm hiện nay chưa được cởi mở.

- Quy trình quản lý, cơ chế quản lý tài chính đối với nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo vẫn chậm cải tiến để phù hợp với thực tiễn. Điển hình như việc yêu cầu phải đấu thầu trong mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu gây ra nhiều khó khăn cho các nhà khoa học. Mặt khác, quy trình quản lý và cơ chế thời gian vừa qua vẫn thiên về kiểm soát, chưa tạo không gian cho việc thiết lập các nghiên cứu có tính đột phá, dài hạn và chấp nhận rủi ro.

- Các cơ quan quản lý chưa thể thiết kế được những chương trình, nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ có quy mô và có khả năng tạo ra các giá trị khoa học, công nghệ vượt trội hoặc tạo ra các tác động mạnh vào phát triển kinh tế - xã hội. Đa số các nhiệm vụ với mức kinh phí thấp và manh mún. Hoạt động hợp tác giữa 3 nhà (nhà nước - nhà khoa học và doanh nghiệp) chưa được thiết kế thường xuyên và định kỳ, sự chủ động của các bên còn thấp.

- Chưa hình thành được trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo do tỉnh quản lý. Một số trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp thuộc các trường đại học trên địa bàn tỉnh chưa hình thành được tư cách pháp nhân rõ nét, chưa hình thành được văn hóa khởi nghiệp.

- Tổ chức khoa học công nghệ thực hiện chức năng về ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ giai đoạn 2021 - 2025 gặp rất nhiều khó khăn, tiềm lực và năng lực của đơn vị này ngày càng bị suy yếu và mất dần vai trò thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

III. Bài học kinh nghiệm

Qua thực tiễn triển khai hoạt động KH,CN&ĐMST giai đoạn 2021 - 2025, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

- Vai trò định hướng, dẫn dắt của thể chế và nghị quyết là yếu tố quyết định:

Thực tiễn cho thấy, khi các nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy được cụ thể hóa kịp thời thành chương trình, kế hoạch, đề án của UBND tỉnh thì hoạt động KH,CN&ĐMST có chuyển biến rõ nét. Ngược lại, ở những lĩnh vực chưa có cơ chế, chính sách cụ thể hoặc thiếu công cụ triển khai phù hợp, kết quả đạt được còn hạn chế. Bài học đặt ra là: phát triển KH,CN&ĐMST phải được dẫn dắt bằng thể chế rõ ràng, ổn định, có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải.

- Gắn nhiệm vụ KH,CN&ĐMST với yêu cầu thực tiễn:

Các nhiệm vụ KH&CN xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của ngành, lĩnh vực, địa phương (như nông nghiệp công nghệ cao, khoa học biển, năng lượng tái tạo, thích ứng biến đổi khí hậu) có khả năng ứng dụng cao, tạo tác động rõ rệt hơn so với các nhiệm vụ mang tính nghiên cứu thuần túy. Bài học rút ra là:

KH,CN&ĐMST chỉ phát huy hiệu quả khi được đặt đúng "bài toán phát triển" của địa phương.

- Đổi mới sáng tạo không thể tách rời doanh nghiệp và thị trường: Thực tiễn cho thấy, khu vực doanh nghiệp tham gia còn hạn chế thì việc thương mại hóa kết quả nghiên cứu gặp nhiều khó khăn, tác động lan tỏa của KH&CN chưa rõ nét. Những mô hình có sự tham gia của doanh nghiệp ngay từ đầu thường có hiệu quả cao hơn. Bài học quan trọng là: doanh nghiệp phải được xác định là trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, Nhà nước giữ vai trò kiến tạo và hỗ trợ.

- Tiềm lực và nguồn nhân lực tại địa phương là yếu tố then chốt, mang tính quyết định lâu dài:

Thiếu hụt chuyên gia đầu ngành, nhân lực chất lượng cao và đội ngũ quản lý KH,CN&ĐMST chuyên nghiệp là hạn chế phổ biến, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tham mưu và hiệu quả triển khai chính sách. Bài học rút ra là: đầu tư cho nhân lực KH,CN&ĐMST phải đi trước một bước, cả về đào tạo, thu hút và sử dụng.

PHẦN II
KẾ HOẠCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 5 NĂM TỈNH KHÁNH HÒA GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. Quan điểm, định hướng và mục tiêu

1. Quan điểm

1.1. Phát triển KH,CN&ĐMST:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo quyết liệt của chính quyền các cấp, sự phối hợp đồng bộ của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và sự tham gia tích cực của doanh nghiệp, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và nhân dân, phát triển KH,CN&ĐMST được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2025 - 2030.

1.2. KH,CN&ĐMST là động lực chính để thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số:

Phát triển KH,CN&ĐMST được xác định là động lực then chốt, có tính quyết định để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản trị, chất lượng cung ứng dịch vụ và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; qua đó đóng góp thiết thực, đo lường được vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế đạt hai con số theo định hướng của Tỉnh ủy.

1.3. Năm 2026 là năm "hành động đột phá, lan tỏa kết quả":

Quan điểm xuyên suốt là chuyển mạnh từ giai đoạn chuẩn bị, xây dựng nền tảng sang giai đoạn hành động quyết liệt, tạo kết quả cụ thể, có sản phẩm, có chỉ tiêu đo lường, có khả năng nhân rộng; coi năm 2026 là năm bản lề để định hình cách làm, mô hình tổ chức và cơ chế vận hành cho cả giai đoạn 2026 - 2030.

1.4. Gắn nghiên cứu với ứng dụng và thị trường:

Hoạt động KH,CN&ĐMST phải được tổ chức theo chuỗi từ nhu cầu thực tiễn đến nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa, trong đó: Nhu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, địa phương và doanh nghiệp là căn cứ xác định nhiệm vụ; Hiệu quả ứng dụng, khả năng thương mại hóa và tác động lan tỏa là tiêu chí đánh giá chủ yếu; Khắc phục tình trạng nghiên cứu hình thức, tách rời thực tiễn.

1.5. Doanh nghiệp là trung tâm, Nhà nước kiến tạo, dẫn dắt của hoạt động đổi mới sáng tạo:

Doanh nghiệp được xác định là chủ thể trung tâm trong ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Các cơ quan nhà nước tập trung vào hoàn thiện thể chế, chính sách; tháo gỡ rào cản; dẫn dắt phát triển thị trường công nghệ, thị trường đổi mới sáng tạo; huy động và điều phối hiệu quả các nguồn lực xã hội.

1.6. Ưu tiên nguồn lực phát triển cho công nghệ chiến lược:

Nguồn lực của tỉnh được ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho phát triển một số công nghệ chiến lược có khả năng làm chủ và triển khai hiệu quả, gắn với lợi thế của tỉnh như: tự động hóa và sản xuất thông minh; công nghệ gen; công nghệ đại dương; trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số nền tảng.

2. Định hướng phát triển

Giai đoạn 2026 - 2030, định hướng phát triển KH,CN&ĐMST của tỉnh là chuyển mạnh từ giai đoạn "xây dựng nền tảng" sang "tạo động lực tăng trưởng và lan tỏa kết quả", bảo đảm đóng góp trực tiếp, thực chất và có thể đo lường vào phát triển kinh tế - xã hội. Phấn đấu đưa KH,CN&ĐMST trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng, nâng cao rõ rệt tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào GRDP, đồng thời duy trì vị trí của tỉnh trong nhóm dẫn đầu cả nước về năng lực đổi mới sáng tạo theo các định hướng cho từng nhóm vấn đề như sau:

2.1. Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách:

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế theo hướng đồng bộ, linh hoạt và thích ứng với yêu cầu phát triển mới; tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ. Từng bước nghiên cứu, thí điểm và nhân rộng các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ và mô hình mới, qua đó giảm rào cản thể chế, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đổi mới sáng tạo và đầu tư phát triển công nghệ.

2.2. Tổ chức hoạt động KH,CN&ĐMST theo nhu cầu thị trường:

Chuyển mạnh phương thức tổ chức hoạt động theo hướng lấy nhu cầu thực tiễn làm trung tâm, lấy hiệu quả ứng dụng và giá trị tạo ra làm thước đo. Các nhiệm vụ KH,CN&ĐMST được xác định trên cơ sở bài toán phát triển cụ thể, có địa chỉ ứng dụng rõ ràng và có sự tham gia của doanh nghiệp ngay từ đầu. Đồng thời, mở rộng các cơ chế đặt hàng, đồng tài trợ, gắn với cam kết đầu ra và tăng cường theo dõi, đánh giá sau nghiệm thu nhằm bảo đảm kết quả nghiên cứu được đưa vào thực tiễn.

2.3. Tập trung phát triển các lĩnh vực ưu tiên, công nghệ chiến lược:

Tập trung nguồn lực để phát triển một số lĩnh vực và công nghệ có lợi thế, khả năng tạo đột phá và lan tỏa cao, gắn với định hướng phát triển kinh tế của tỉnh. Trọng tâm là các lĩnh vực công nghiệp, năng lượng và hạ tầng kỹ thuật theo hướng xanh, hiệu quả; nông nghiệp, thủy sản theo hướng công nghệ cao, thích ứng với điều kiện tự nhiên; tài nguyên, môi trường và biến đổi khí hậu; kinh tế biển; du lịch - dịch vụ; y dược và chăm sóc sức khỏe. Đồng thời, chú trọng tiếp cận và ứng dụng các công nghệ nền như dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa… nhằm nâng cao năng lực quản lý, sản xuất và cạnh tranh.

2.4. Xác định bài toán theo ngành, lĩnh vực:

Định hướng xác định nhiệm vụ KH,CN&ĐMST theo cách tiếp cận từ "bài toán phát triển" của từng ngành, lĩnh vực, địa phương thay vì xuất phát thuần túy từ đề xuất nghiên cứu. Các bài toán được lựa chọn cần gắn trực tiếp với mục tiêu tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, đồng thời có địa chỉ ứng dụng và khả năng triển khai rõ ràng. Trên cơ sở đó, xác định các công nghệ, sản phẩm và giải pháp ưu tiên, tập trung vào những khâu tạo giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị, bảo đảm vừa giải quyết yêu cầu trước mắt, vừa từng bước hình thành năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo trong dài hạn.

2.5. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp:

Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo theo hướng thực chất, có khả năng tạo sản phẩm và giá trị gia tăng, gắn kết chặt chẽ giữa các chủ thể trong hệ sinh thái. Tăng cường vai trò của doanh nghiệp trong đổi mới sáng tạo; thúc đẩy liên kết với các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và tổ chức trung gian; từng bước hình thành các thiết chế hỗ trợ như trung tâm đổi mới sáng tạo, không gian làm việc chung, vườn ươm và mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp.

2.6. Phát triển nguồn nhân lực KH,CN&ĐMST:

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của các lĩnh vực công nghệ mới và ngành kinh tế trọng điểm. Triển khai đồng bộ các giải pháp thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, đặc biệt là chuyên gia, nhà khoa học và đội ngũ kỹ thuật có trình độ cao; đồng thời tăng cường gắn kết giữa đào tạo và nhu cầu của doanh nghiệp, thị trường lao động.

2.7. Chuyển đổi số quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST:

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý. Từng bước xây dựng hệ thống quản lý nhiệm vụ trên nền tảng số, bảo đảm quản lý xuyên suốt vòng đời nhiệm vụ; tăng cường công khai, minh bạch thông tin.

2.8. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực:

Ưu tiên tham mưu bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ, chương trình có tác động lan tỏa lớn, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách nhà nước và theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, đẩy mạnh huy động các nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách, nhất là từ khu vực doanh nghiệp; nghiên cứu, đề xuất áp dụng các công cụ, cơ chế tài chính phù hợp để hỗ trợ đổi mới sáng tạo theo quy định hiện hành.

3. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu

3.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển KH,CN&ĐMST trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế "2 con số", góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Khánh Hòa.

Cơ chế, chính sách được hoàn thiện, phù hợp với nguyên tắc thị trường, chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và hạ tầng dữ liệu phát triển hiện đại, đồng bộ; nhân lực chất lượng cao được tăng cường trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược; từng bước làm chủ, phát triển và ứng dụng các công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, nâng cao năng lực tự chủ công nghệ quốc gia. Hệ thống đổi mới sáng tạo được phát triển theo hướng hiện đại, hội nhập; liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân được tăng cường; hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thúc đẩy; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ có năng lực cạnh tranh khu vực, từng bước vươn ra thị trường toàn cầu.

3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu về đóng góp của KH,CN&ĐMST vào phát triển kinh tế - xã hội

- Tỷ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP đạt khoảng 55%.

- 100% nhiệm vụ KH,CN&ĐMST triển khai theo định hướng đặt hàng, có cam kết đầu ra và cơ chế theo dõi sau nghiệm thu; tối thiểu 50% nhiệm vụ cấp tỉnh có sự tham gia đồng tài trợ của doanh nghiệp hoặc địa phương thụ hưởng.

- Tỷ lệ kết quả nghiên cứu từ viện, trường được ứng dụng và thương mại hóa đạt tối thiểu 30%.

- Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt tối thiểu 50%.

- Làm chủ và sản xuất trong nước một số sản phẩm công nghệ chiến lược phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, góp phần nâng cao năng lực tự chủ công nghệ và năng lực cạnh tranh quốc gia.

b) Các mục tiêu về phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

- Tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển (R&D) đạt tối thiểu 2% GRDP, trong đó nguồn ngoài ngân sách nhà nước chiếm trên 60%. Bố trí ít nhất 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho phát triển KH,CN&ĐMST và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

- Phát triển 10 - 15 doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian) đạt 12 người/vạn dân.

- Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng bình quân 10%/năm. Số lượng đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân 16% - 18%/năm.

- Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt 8% - 10% số văn bằng bảo hộ được cấp.

- KH,CN&ĐMST trở thành động lực chủ yếu trong các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh; Khánh Hòa thuộc nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước về KH,CN&ĐMST.

c) Các mục tiêu về phát triển đổi mới sáng tạo

- Duy trì Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu; hình thành và vận hành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh với đầy đủ các thành phần: doanh nghiệp – viện, trường – tổ chức trung gian – cơ quan quản lý nhà nước.

- Hình thành tối thiểu 02 Trung tâm đổi mới sáng tạo; tạo lập mạng lưới doanh nghiệp đổi mới sáng tạo có năng lực cạnh tranh khu vực; hỗ trợ ươm tạo tối thiểu 02 doanh nghiệp công nghệ cao.

- Hình thành tối thiểu 10 nhóm nghiên cứu liên quan đến các nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược; phát triển đội ngũ nhân lực KH,CN&ĐMST chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu các ngành công nghệ ưu tiên.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

a) Hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi chính sách

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với đặc thù lao động sáng tạo, nguyên tắc thị trường, chuẩn mực và thông lệ quốc tế; khả thi trong triển khai; hiệu quả đo lường được bằng kết quả

cụ thể, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng, năng suất và đổi mới sáng tạo; dẫn dắt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế "2 con số".

- Ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ KH,CN&ĐMST theo hướng đặt hàng, cam kết đầu ra và đánh giá sau nghiệm thu, bảo đảm nhiệm vụ gắn với "bài toán phát triển" cụ thể, có địa chỉ ứng dụng và tiêu chí đánh giá rõ ràng;

- Hoàn thiện quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST theo hướng linh hoạt, phù hợp đặc thù nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, tăng cường trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ;

- Rà soát, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các quy định hiện hành về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST.

b) Đổi mới cơ chế thực hiện và tái cấu trúc chương trình KH,CN&ĐMST

- Tổ chức thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với các bài toán lớn và công nghệ chiến lược. Khuyến khích thực hiện khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, chuyển sang cơ chế hậu kiểm; xây dựng tiêu chí đánh giá đầu ra và tác động. Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với phân bổ ngân sách, xếp hạng tổ chức và trách nhiệm giải trình.

- Tổ chức chuỗi tọa đàm chuyên đề, huy động sự tham gia của các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp, viện - trường, chuyên gia để xác định và hoàn thiện hệ thống "bài toán" ưu tiên của từng ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh, dựa trên các tiêu chí:

+ Tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tự chủ công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương; Gắn với các khâu tạo giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị, tập trung vào các công nghệ trọng yếu, thực sự cần thiết phải làm chủ và phù hợp với trình độ phát triển;

+ Bảo đảm kết hợp hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và phát triển năng lực dài hạn, theo lộ trình từ tạo ra sản phẩm trong ngắn hạn, hoàn thiện công nghệ nền trong trung hạn đến làm chủ công nghệ trong dài hạn;

+ Gắn với nhu cầu thị trường và có địa chỉ ứng dụng cụ thể, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả triển khai.

c) Phát triển môi trường thử nghiệm, hoàn thiện cơ chế tạo cầu thị trường khoa học và công nghệ

- Nghiên cứu, thí điểm và từng bước nhân rộng các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ và mô hình mới (công nghệ đại dương, năng lượng tái tạo, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo…), qua đó giảm rào cản thể chế và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đổi mới sáng tạo, đầu tư phát triển công nghệ.

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế liên kết vùng và hợp tác với các trung tâm KH,CN&ĐMST quốc gia/quốc tế trong không gian phát triển mới (sau hợp nhất tỉnh), nhằm tạo động lực tăng trưởng cộng hưởng với các địa phương trong khu vực; ưu tiên hợp tác chuyển giao công nghệ chiến lược (công nghệ đại dương, AI, sản xuất thông minh) và chia sẻ "bài toán ưu tiên";

- Xây dựng cơ chế đột phá huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho Chương trình phát triển sản phẩm Công nghệ chiến lược: thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân, quỹ đầu tư mạo hiểm trong/ngoài nước qua đồng tài trợ, PPP và ưu đãi thuế/pháp lý.

d) Phát triển hệ thống dữ liệu và chuẩn hóa công tác thống kê, đánh giá KH,CN&ĐMST

Xây dựng hệ thống quản lý chương trình, nhiệm vụ KH,CN&ĐMST trên nền tảng số thống nhất, kết nối các cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa quản lý theo vòng đời nhiệm vụ, áp dụng mã định danh thống nhất. Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, cho phép doanh nghiệp, xã hội tiếp cận, khai thác; ứng dụng công nghệ số trong giám sát, đánh giá và hỗ trợ phân bổ nguồn lực; phát triển hạ tầng dữ liệu số và nền tảng dữ liệu mở làm nền tảng cho AI và đổi mới sáng tạo.

2. Huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước

a) Định hướng cơ cấu chi, tiêu chí ưu tiên và nguyên tắc phân bổ

- Phân bổ ngân sách nhà nước cho KH,CN&ĐMST với cơ cấu chi hợp lý, cân đối giữa nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đảm bảo việc kiểm soát và có thể linh hoạt điều chỉnh theo yêu cầu của thực tiễn phát triển với các định hướng như sau:

+ Tập trung bố trí ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu, phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, bảo đảm tối thiểu 15% trong tổng chi sự nghiệp khoa học.

+ Ưu tiên phân bổ ngân sách cho nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ phục vụ nhu cầu thực tiễn. Đồng thời bảo đảm đầu tư đúng tầm cho nghiên cứu cơ bản, phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực chất lượng cao.

+ Bố trí ngân sách hợp lý cho đổi mới, cải tiến công nghệ, các nhiệm vụ có doanh nghiệp tham gia, cùng tài trợ, tiếp nhận, thương mại hóa kết quả và thực hiện theo cơ chế đối ứng; đồng thời khuyến khích đổi mới quản trị và quy trình, thử nghiệm công nghệ, tăng cường đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp dùng công nghệ mới qua hình thức phiếu hỗ trợ tài chính (voucher).

- Triển khai việc đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các bài toán lớn, gắn với mục tiêu ngành, lĩnh vực và nhu cầu thực tiễn của địa phương; ưu tiên các nhiệm vụ gắn với công nghệ chiến lược; các chương trình, dự án quy mô lớn, có sản phẩm cụ thể, địa chỉ ứng dụng và sự tham gia của doanh nghiệp, viện, trường; giao trực tiếp đối với nhiệm vụ cấp bách, nhiệm vụ công nghệ chiến lược; đặt

hàng có doanh nghiệp cùng tài trợ đối với nhiệm vụ ứng dụng. Triển khai tài trợ cạnh tranh đối với nghiên cứu nền tảng.

b) Thực hiện mô hình "ngân sách nhà nước dẫn dắt - xã hội cùng đầu tư":

- Ngân sách trung ương tập trung đầu tư cho hạ tầng quản lý nhà nước; hạ tầng lõi, nền tảng số, cơ sở dữ liệu quốc gia; hạ tầng có tính liên vùng, liên ngành, yêu cầu công nghệ cao, vốn lớn, thời gian hoàn vốn dài. Ngân sách địa phương tập trung phát triển hạ tầng ứng dụng, các trung tâm đổi mới sáng tạo địa phương, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và kết nối vào nền tảng quốc gia.

- Nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư thiết bị, nâng cấp công nghệ, nền tảng ứng dụng, dịch vụ dữ liệu, khai thác vận hành, các khu thử nghiệm và không gian đổi mới sáng tạo.

- Thực hiện đầu tư theo sản phẩm, cùng đầu tư với doanh nghiệp, gắn với khả năng thương mại hóa. Áp dụng linh hoạt các hình thức tài trợ, cho vay, góp vốn; tăng cường giám sát, đánh giá theo kết quả và tác động thực tiễn.

- Thành lập và đưa vào hoạt động Quỹ phát triển KH,CN&ĐMST, nghiên cứu thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh Khánh Hòa theo quy định pháp luật, tạo kênh huy động và dẫn dắt nguồn lực xã hội cho đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp công nghệ; tăng cường cùng đầu tư với khu vực tư nhân nhằm hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh và mở rộng quy mô thị trường.

- Tăng cường lồng ghép nguồn lực từ đầu tư công, chi thường xuyên, chương trình mục tiêu, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và nguồn hợp pháp khác theo nguyên tắc công khai, minh bạch, không chồng chéo, không cấp vốn trùng lặp cho cùng một mục tiêu, tăng tỷ lệ vốn ngoài ngân sách nhà nước trong các nhiệm vụ có khả năng thương mại hóa cao; thúc đẩy các chương trình, nhiệm vụ được tài trợ, đầu tư từ các nguồn khác nhau, cùng chia sẻ rủi ro và chia sẻ lợi ích.

3. Phát triển hoàn thiện hạ tầng KH,CN&ĐMST

Hoàn thiện hồ sơ Đề án thành lập Trung tâm Nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời xây dựng danh mục nhiệm vụ đặt hàng trọng điểm để Trung tâm có thể đi vào hoạt động ổn định, hiệu quả ngay sau khi được thành lập (công nghệ quan trắc - dự báo hải văn, mô hình hóa không gian biển, công nghệ phục hồi hệ sinh thái biển…).

Xây dựng và triển khai Đề án chuyển đổi mô hình hoạt động của Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN của tỉnh thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo; rà soát chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cơ chế tài chính, bảo đảm hoạt động theo hướng mở, linh hoạt, gắn với nhu cầu doanh nghiệp và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Đưa vào vận hành không gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của

tỉnh theo hướng thực chất, gắn với chương trình ươm tạo, tăng tốc và các dự án cụ thể.

Tập trung nghiên cứu, xây dựng phương án và đề án phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST, trong đó trọng tâm là thành lập: Công viên đổi mới sáng tạo; Trung tâm đổi mới sáng tạo của tỉnh; Khu công nghiệp công nghệ số tập trung… tạo không gian kết nối, thử nghiệm, ươm tạo và thương mại hóa công nghệ, thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp - viện, trường - chuyên gia, qua đó nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, thu hút nguồn lực và hỗ trợ phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh.

4. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực KH,CN&ĐMST

Xây dựng và trình ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST. Tuyển chọn công khai, sử dụng hiệu quả tổng công trình sư, chuyên gia đầu ngành, nhân tài tham gia, chủ trì nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao. Trao quyền chủ động gắn với trách nhiệm giải trình, đãi ngộ tương xứng với kết quả đầu ra, thương mại hóa, tác động thực tiễn.

Lồng ghép kết hợp, đào tạo chuyên sâu, chuyên gia công nghệ trong quá trình triển khai nhiệm vụ, cụ/chuỗi nhiệm vụ KH,CN&ĐMST.

Thúc đẩy dịch chuyển nhân lực KH,CN&ĐMST giữa viện, trường và doanh nghiệp; phát triển kỹ năng quản trị công nghệ, dữ liệu và thương mại hóa; áp dụng cơ chế khuyến khích, đãi ngộ và chia sẻ lợi ích gắn với hiệu quả thực hiện và nhu cầu doanh nghiệp.

- Phát triển năng lực quản trị tài sản trí tuệ, chuỗi giá trị công nghệ, chuẩn hóa, thử nghiệm, chứng nhận, an toàn công nghệ và quản trị rủi ro công nghệ cho đội ngũ thực thi chính sách.

5. Phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược

Tổ chức triển khai Quyết định phê duyệt Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược tỉnh Khánh Hòa, đặt hàng triển khai ngay các nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược của tỉnh, trọng tâm: tự động hóa, sản xuất thông minh cho nhà máy chế biến thủy sản; công nghệ gen trong nông nghiệp và thủy sản; công nghệ đại dương và khai thác biển sâu; trí tuệ nhân tạo (AI) và tích hợp AI vào các ngành, lĩnh vực kinh tế chủ lực.

6. Tăng cường liên kết giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo

Chuyển mạnh phương thức tổ chức hoạt động theo hướng lấy nhu cầu thực tiễn - thị trường làm trung tâm, lấy hiệu quả ứng dụng và giá trị tạo ra làm thước đo.

Các nhiệm vụ KH,CN&ĐMST được xác định trên cơ sở bài toán phát triển cụ thể của từng ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp; có địa chỉ ứng dụng rõ ràng và sự tham gia của đơn vị sử dụng kết quả ngay từ khâu đề xuất, xây dựng thuyết minh.

Mở rộng các cơ chế đặt hàng, đồng tài trợ, gắn với cam kết đầu ra (hợp đồng, đơn hàng, lộ trình ứng dụng); khuyến khích mô hình nhiệm vụ Nhà nước - doanh nghiệp cùng tham gia đầu tư, chia sẻ rủi ro, cùng hưởng lợi.

Tăng cường đánh giá giữa kỳ và sau nghiệm thu, tập trung vào mức độ ứng dụng, hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường; coi đây là một tiêu chí bắt buộc khi xem xét đề xuất nhiệm vụ mới.

Từng bước hình thành danh mục "bài toán ưu tiên" theo ngành, lĩnh vực, làm cơ sở lâu dài cho việc tuyển chọn nhiệm vụ và thiết kế các chương trình KH,CN&ĐMST của tỉnh.

Phát triển hệ thống dữ liệu và chuẩn hóa công tác thống kê, đánh giá khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Xây dựng hệ thống quản lý chương trình, nhiệm vụ KH,CN&ĐMST trên nền tảng số thống nhất, kết nối các cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa quản lý theo vòng đời nhiệm vụ, áp dụng mã định danh thống nhất. Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, cho phép doanh nghiệp, xã hội tiếp cận, khai thác; ứng dụng công nghệ số trong giám sát, đánh giá và hỗ trợ phân bổ nguồn lực.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan đầu mối, chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch. Chủ động tổng hợp tình hình, kịp thời tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và mục tiêu phát triển KH, CN&ĐMST;

Chủ động phối hợp với Bộ KH&CN để xây dựng bộ chỉ số phù hợp nhằm đo lường hiệu quả và tác động của KH, CN&ĐMST đối với tăng trưởng kinh tế. Bảo đảm liên thông giữa hệ thống chỉ số đánh giá với các cơ sở dữ liệu quốc gia về KH, CN&ĐMST để hỗ trợ ra quyết định chính sách và điều hành chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách; hướng dẫn, điều phối các sở, ban, ngành, UBND cấp xã xây dựng và triển khai các chương trình, nhiệm vụ KH, CN&ĐMST bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tránh chồng chéo, trùng lặp và phân tán nguồn lực. Chủ trì tổ chức quản lý các chương trình, nhiệm vụ, dự án

của tỉnh theo đúng quy định, gắn với yêu cầu nâng cao hiệu quả đầu tư và tác động thực chất đến phát triển kinh tế - xã hội.

Thúc đẩy liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển doanh nghiệp KH&CN. Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng, tiêu chuẩn, sở hữu trí tuệ và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tham mưu UBND tỉnh định hướng phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Hướng dẫn, hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hợp tác xã, trang trại và các vùng sản xuất tập trung phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh.

Thúc đẩy ứng dụng tiến bộ KH,CN&ĐMST vào toàn bộ chuỗi giá trị nông nghiệp, từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; ưu tiên các sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh và gắn với xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, nâng cao giá trị gia tăng. Tham mưu xây dựng và vận hành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp, tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý, doanh nghiệp, hợp tác xã, viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo nhằm đẩy mạnh chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm.

Triển khai các giải pháp quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong quan trắc, giám sát, cảnh báo môi trường, quản lý chất thải, tài nguyên nước, đất đai, địa chất và khoáng sản. Thúc đẩy phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp; khuyến khích áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn, sử dụng năng lượng tái tạo và vật liệu thân thiện môi trường.

3. Sở Công Thương

Tham mưu UBND tỉnh thúc đẩy tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số và tự động hóa trong sản xuất, quản trị và chuỗi cung ứng. Đồng thời, phối hợp với các sở, ngành liên quan thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao.

Thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ; nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và năng lực tham gia chuỗi giá trị trong nước và quốc tế. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hỗ trợ xây dựng và phát triển chuỗi giá trị sản phẩm, đặc biệt đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh; gắn sản xuất với chế biến sâu, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc, đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới sáng tạo trong sản xuất - kinh doanh; thúc đẩy ứng dụng các mô hình quản trị hiện đại, thương mại hóa sản phẩm và khai thác hiệu quả dữ liệu trong hoạt động thương mại. Tăng cường tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho doanh nghiệp về đổi mới công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn và hội nhập kinh tế quốc tế.

Triển khai các giải pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, phát triển các mô hình ứng dụng năng lượng tái tạo trong sản xuất và đời sống. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu, phát triển thương mại điện tử và thương hiệu trực tuyến; tổ chức các sự kiện, hội chợ chuyên ngành gắn với quảng bá sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp chủ lực của tỉnh, góp phần mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp địa phương.

4. Sở Nội vụ

Trên cơ sở định hướng phát triển của tỉnh và đề xuất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, tham mưu xác định nhu cầu nhân lực theo từng lĩnh vực trọng tâm, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách về tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ và thu hút nhân tài, chuyên gia, cán bộ khoa học và công nghệ. Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu các giải pháp phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực công nghệ số phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của tỉnh.

Phối hợp theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình phát triển nguồn nhân lực; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả đào tạo, thu hút và sử dụng nhân lực phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST, bảo đảm gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

5. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, địa phương liên quan tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6. Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung của Kế hoạch, các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường chủ động xây dựng kế hoạch triển khai cụ

thể trong phạm vi quản lý; tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ về KH,CN&ĐMST gắn với mục tiêu phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương. Tăng cường phối hợp liên ngành, bảo đảm sự thống nhất, tránh chồng chéo, trùng lặp trong quá trình triển khai.

Đẩy mạnh triển khai hoạt động KH,CN&ĐMST ở cơ sở; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

9. Các doanh nghiệp, đơn vị kinh tế trên địa bàn

Đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị, năng suất và phát triển tài sản trí tuệ; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH,CN&ĐMST trong sản xuất, kinh doanh. Tăng cường áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, các mô hình quản trị hiện đại và công cụ cải tiến năng suất nhằm nâng cao sức cạnh tranh, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

Chủ động phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh để đặt hàng nghiên cứu, tiếp nhận, làm chủ và thương mại hóa công nghệ; tích cực tham gia hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh, đóng góp vào quá trình hình thành các sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

IV. CÁC GIẢI PHÁP KHÁC BẢO ĐẢM TỔ CHỨC THỰC HIỆN HIỆU QUẢ KẾ HOẠCH

Tổ chức quản lý Kế hoạch trên nền tảng số thống nhất; chuẩn hóa bộ chỉ tiêu, phương pháp đo lường, chế độ thống kê và hệ thống đánh giá theo các nhóm chỉ tiêu: Đầu vào (Input) - Đầu ra (Output) - Kết quả (Outcome) - Tác động (Impact); bảo đảm mỗi chương trình, nhiệm vụ, dự án đều có mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu đánh giá gắn với các mục tiêu và chỉ tiêu của Kế hoạch, có số liệu gốc, có cơ quan cập nhật và cơ chế kiểm chứng; kết nối với hệ thống thống kê, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan.

Thực hiện giám sát, đánh giá định kỳ, giữa kỳ và tổng thể, kết hợp với đánh giá độc lập; gắn kết quả thực hiện với phân bổ nguồn lực, xếp hạng tổ chức; kịp thời điều chỉnh mục tiêu, danh mục chương trình, cơ cấu nguồn lực và cơ chế phối hợp theo yêu cầu thực tiễn.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch trong lựa chọn nhiệm vụ, sử dụng nguồn lực và đánh giá kết quả; chủ động phòng ngừa, xử lý chồng chéo, trùng lặp, dàn trải, lợi ích cục bộ và rủi ro trong quá trình tổ chức thực hiện.

Gắn kết quả thực hiện Kế hoạch với trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và người đứng đầu; thực hiện cơ chế khen thưởng kịp thời đối với

mô hình hiệu quả, đồng thời kiên quyết điều chỉnh hoặc chấm dứt các nhiệm vụ, chương trình không đáp ứng yêu cầu.

Đẩy mạnh truyền thông chính sách và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, ngành, doanh nghiệp và người dân về vai trò của KH,CN&ĐMST trong phát triển kinh tế - xã hội; đa dạng hóa phương thức truyền thông, phổ biến tri thức và lan tỏa rộng rãi các kết quả gắn với nhu cầu thực tiễn. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội ngành nghề, cộng đồng chuyên gia trong tham gia thực hiện, giám sát, phản biện chính sách; đồng thời thúc đẩy hình thành và phát triển văn hóa đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội./.

PHỤ LỤC 1

KHUNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 03 6 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Nhóm chương trình	Nội dung trọng tâm
1	Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược tỉnh Khánh Hòa	- Tập trung nguồn lực phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược có giá trị gia tăng cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng hiện đại theo nội dung đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 20/4/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa. - Ứng dụng, thử nghiệm và phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược phục vụ trực tiếp các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh; - Nâng cao năng lực tiếp nhận, vận hành và làm chủ từng phần công nghệ lõi của các sản phẩm công nghệ chiến lược thông qua chuyển giao công nghệ, hợp tác với viện, trường, doanh nghiệp và chuyên gia đầu ngành; - Nghiên cứu, phát triển và làm chủ các mô-đun, cấu phần, giải pháp ứng dụng có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị công nghệ chiến lược; - Thương mại hóa và nhân rộng các giải pháp, sản phẩm công nghệ chiến lược, ưu tiên thay thế nhập khẩu trong các lĩnh vực: nuôi biển công nghệ cao, chế biến thủy sản, cảng biển thông minh và du lịch thông minh; từng bước mở rộng thị trường trong nước và khu vực; - Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo địa phương gắn với công nghệ chiến lược;

		- Góp phần hình thành và củng cố các ngành công nghiệp chiến lược của tỉnh, gồm: Nuôi biển công nghệ cao; Công nghệ Đại dương; Cảng biển và logistics thông minh; Du lịch thông minh; Vắc xin và công nghệ gen. - Tạo ra các dòng sản phẩm, dịch vụ mới có giá trị gia tăng cao, bền vững và có khả năng nhân rộng.
2	Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển nông nghiệp hiệu quả, nông nghiệp thông minh và chuỗi giá trị nông sản tỉnh Khánh Hòa	- Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo, nhân giống cây trồng, vật nuôi năng suất cao, chịu hạn, chịu mặn; đặc biệt ưu tiên nghiên cứu, phát triển các giống cây trồng bản địa có giá trị kinh tế cao; - Xây dựng các mô hình nông nghiệp thông minh, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ giảm phát thải; ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước, IoT giám sát đồng ruộng và canh tác thích ứng biến đổi khí hậu tại các vùng sản xuất tập trung; - Triển khai đề án tạo tín chỉ Carbon trong trồng trọt, lâm nghiệp, sử dụng đất và trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; xây dựng chuỗi nông nghiệp - thủy sản theo quy luật sinh thái từ rừng xuống biển, gắn với du lịch sinh kế cộng đồng; - Phát triển công nghệ chế biến sâu, thực phẩm giá trị cao từ các ngành hàng đặc thù của tỉnh: yến sào, tôm hùm, thủy sản biển, dược liệu dưới tán rừng; ứng dụng công nghệ sinh học và công nghệ thực phẩm nâng cao giá trị dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và đáp ứng yêu cầu xuất khẩu cao cấp; - Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc số, ứng dụng sàn thương mại điện tử và liên kết chuỗi tiêu thụ cho các sản phẩm OCOP, VietGAP; hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số Raglai, Chăm tiếp cận khoa học công nghệ trong sản xuất và thương mại hóa nông sản; - Nghiên cứu các giải pháp khoa học nông nghiệp bảo tồn nguồn gen quý tại các khu bảo tồn, vườn quốc gia; phát triển dược liệu bản địa có giá trị kinh tế cao dưới tán rừng gắn với kinh tế rừng bền vững.
3	Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng	- Nghiên cứu hải dương học, đa dạng sinh học biển; đánh giá sức chịu tải;

	tạo phát triển công nghệ biển và đại dương tỉnh Khánh Hòa	- Ứng dụng GIS, viễn thám trong quản lý không gian biển và cảnh báo sớm sự cố môi trường biển; - Phát triển công nghệ khai thác hải sản xa bờ hiện đại, ứng dụng công nghệ bảo quản lạnh sau thu hoạch, dịch vụ hậu cần nghề cá; nghiên cứu giải pháp giảm tổn thất sau khai thác, nâng cao giá trị sản phẩm; - Ứng dụng công nghệ nuôi biển công nghệ cao, công nghệ sinh học trong sản xuất giống thủy sản chất lượng cao, phát triển vùng nuôi biển bền vững kết hợp du lịch trải nghiệm; - Nghiên cứu các giải pháp phục hồi hệ sinh thái biển (rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn); phát triển công nghệ thu gom, phân loại và tái chế rác thải nhựa biển, chuyển đổi thành nguyên liệu và năng lượng theo mô hình kinh tế tuần hoàn; - Phát triển hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ để khu vực Nam Vân Phong trở thành trung tâm công nghiệp động lực; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong chuỗi cung ứng, đóng và sửa chữa tàu biển; phát triển cảng biển và logistics thông minh tại Khu kinh tế Vân Phong.
4	Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hỗ trợ quản lý tài nguyên thông minh, bảo vệ môi trường và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tỉnh Khánh Hòa	- Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục, kết nối dữ liệu trực tuyến về Trung tâm điều hành IOC tỉnh; - Số hóa mạng lưới thủy lợi, tài nguyên nước; xây dựng hồ sơ số cho các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; thiết lập hệ thống cảnh báo sớm thiên tai (lũ lụt, sạt lở, hạn hán, xâm nhập mặn) theo thời gian thực; - Nghiên cứu công nghệ thu gom, xử lý, tái chế và thu hồi năng lượng từ rác thải rắn, xây dựng phương án giảm thiểu phát thải rác thải nhựa; - Triển khai các giải pháp khoa học chủ động ứng phó với nước biển dâng, xâm nhập mặn, sạt lở bờ biển; xây dựng bản đồ ngập lụt, sạt lở ứng dụng GIS và viễn thám phục vụ quy hoạch, xây dựng phương án ứng cứu khẩn cấp;

		- Ứng dụng công nghệ khai thác khoáng sản hiệu quả, tiết kiệm, giảm tác động môi trường; nghiên cứu tái tạo, phục hồi môi trường sau khai thác tại các khu vực miền núi; giám sát và quản lý tài nguyên rừng bằng công nghệ viễn thám và UAV.
5	Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, dịch vụ giá trị cao và công nghiệp văn hóa số tỉnh Khánh Hòa	- Xây dựng nền tảng dữ liệu dùng chung ngành du lịch - di sản; ứng dụng AI phân tích thị trường, cá nhân hóa trải nghiệm khách du lịch; triển khai hệ thống quản trị điểm đến thông minh (DMO), dịch vụ thanh toán điện tử và hệ thống thông tin du lịch số; - Phát triển các sản phẩm du lịch thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) và số hóa di tích, di sản văn hóa phi vật thể (văn hóa Chăm, văn hóa biển đảo, kiến trúc cổ, nhạc cụ truyền thống) phục vụ bảo tồn, quảng bá và giáo dục; - Nghiên cứu phát triển và nhân rộng mô hình du lịch cộng đồng gắn với văn hóa bản địa Raglai, Chăm tại các xã miền núi và ven biển vùng Ninh Thuận mới sáp nhập; ứng dụng công nghệ quảng bá du lịch số và kết nối với các nền tảng du lịch quốc tế; - Nghiên cứu phát triển công nghiệp văn hóa số: sản phẩm sáng tạo, mỹ thuật ứng dụng, thủ công mỹ nghệ truyền thống kết hợp công nghệ in 3D, thương mại điện tử; gắn với kinh tế đêm và xây dựng thương hiệu du lịch Khánh Hòa; - Ứng dụng công nghệ quản lý di tích, bảo tồn cổ vật; xây dựng hệ thống lưu trữ và số hóa toàn diện tài liệu, hiện vật văn hóa đặc trưng của tỉnh; nghiên cứu, tôn vinh các giá trị ẩm thực, nghề truyền thống đặc sắc của các cộng đồng dân tộc.
6	Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hiện đại hóa hệ thống y tế, phát triển công nghệ vaccine và dược liệu biển tỉnh Khánh Hòa	- Xây dựng nền tảng y tế số tỉnh Khánh Hòa, tích hợp hồ sơ sức khỏe điện tử (EHR) toàn dân; triển khai hệ thống telemedicine phục vụ người dân vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số và cán bộ chiến sĩ quần đảo Trường Sa; đảm bảo kết nối đồng bộ từ trạm y tế xã đến tuyến tỉnh; - Nghiên cứu ứng dụng AI trong chẩn đoán hình ảnh y tế (đọc phim X-quang phổi, nội soi dạ dày, siêu âm); ứng dụng kỹ thuật y khoa hiện đại, công nghệ gen và tế bào gốc trong điều trị bệnh hiểm nghèo; nâng cao năng lực xét nghiệm phân tử PCR và giải trình tự gen trong giám sát dịch bệnh;

		- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và phòng chống dịch bệnh ứng dụng phân tích dữ liệu lớn (big data) và mô hình dự báo dịch tễ; tăng cường năng lực khai thác, phân tích dữ liệu y tế quy mô lớn phục vụ quản lý sức khỏe cộng đồng; - Phát triển công nghệ sản xuất, nghiên cứu và nâng cấp vaccine, sinh phẩm y tế; nghiên cứu khai thác hoạt chất sinh học từ sinh vật biển (san hô, rong biển, hải miên) làm dược liệu và thực phẩm chức năng; xây dựng nguồn dữ liệu dược liệu biển Khánh Hòa; - Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ cho cán bộ y tế các tuyến; tăng cường hợp tác với các trường đại học y dược và viện nghiên cứu trung ương trong đào tạo và chuyển giao kỹ thuật y tế hiện đại…
7	Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đổi mới giáo dục, đào tạo nhân lực số tỉnh Khánh Hòa	- Triển khai chuyển đổi số toàn diện trong giáo dục: xây dựng nền tảng quản lý giáo dục thống nhất toàn tỉnh, kho học liệu số dùng chung, ngân hàng câu hỏi trực tuyến, cơ sở dữ liệu văn bằng chứng chỉ; số hóa toàn bộ quy trình quản lý và hồ sơ giáo dục; - Triển khai giáo dục STEM/STEAM đại trà tại các cấp học; xây dựng phòng học STEM, không gian sáng tạo trong trường học; từng bước đưa giáo dục Trí tuệ nhân tạo (AI) và Robotics vào các cơ sở giáo dục; bồi dưỡng đội ngũ giáo viên nòng cốt về đổi mới sáng tạo; - Đào tạo nguồn nhân lực số chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế trọng điểm (công nghệ đại dương, AI, du lịch thông minh, công nghiệp chế biến…); liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp, khu kinh tế, khu công nghiệp trong đào tạo theo đặt hàng và thực tập thực tiễn; - Gắn hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường với bài toán thực tiễn địa phương; đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu từ cơ sở giáo dục; kết nối nhà trường - doanh nghiệp - viện nghiên cứu trong triển khai dự án sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp học sinh, sinh viên.

8	Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghiệp, năng lượng sạch và hạ tầng số trọng điểm tỉnh Khánh Hòa	- Phát triển mô hình sản xuất thông minh: ứng dụng tự động hóa, robot và AI vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; phát triển hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ tại khu vực Nam Vân Phong; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và tham gia chuỗi cung ứng quốc tế; - Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong xây dựng, chế tạo một số cấu kiện, vận hành nhà máy điện khí, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời…, tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo vào điện lưới, phát triển công nghệ lưu trữ năng lượng …; - Triển khai Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2026 - 2030, lồng ghép với nội dung điều chỉnh Quy hoạch nhằm đảm bảo đồng bộ, thống nhất; Ứng dụng Digital Twin trong quy hoạch và quản lý đô thị, tích hợp cảnh báo thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu; kết nối nền tảng đô thị thông minh quốc gia.
9	Chương trình KH,CN&ĐMST hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp	- Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp ĐMST theo từng lĩnh vực ưu tiên, gồm: du lịch - dịch vụ; phát triển đô thị và hạ tầng; sản xuất; nông nghiệp; năng lượng; hỗ trợ người nghèo và khu vực khó khăn; và công cụ quản lý kinh tế cấp xã. Các nội dung hỗ trợ tập trung vào đổi mới quy trình, sản phẩm, mô hình kinh doanh, tiêu chuẩn hóa, chuyển đổi số, tối ưu tài nguyên, nâng cao hiệu quả vận hành và tăng trải nghiệm người dùng, qua đó hình thành các giải pháp có khả năng ứng dụng, nhân rộng và thương mại hóa cao; - Hỗ trợ hoàn thiện công nghệ, phát triển sản phẩm mẫu, thử nghiệm thị trường và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; đồng thời cung cấp các gói hỗ trợ về tư vấn đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, sở hữu trí tuệ và chuyển đổi hoạt động sản xuất - kinh doanh; - Vận hành hiệu quả không gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh theo hướng thực chất, gắn với dự án cụ thể; tăng cường kết nối doanh nghiệp với viện, trường, chuyên gia và nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh nhằm hình thành mạng lưới hỗ trợ đồng bộ.

		- Thúc đẩy các cơ chế hợp tác, huy động nguồn lực cho đổi mới sáng tạo, trong đó nghiên cứu, thí điểm các mô hình đồng đầu tư giữa Nhà nước và doanh nghiệp đối với một số dự án khởi nghiệp công nghệ có tiềm năng, gắn với các chuỗi giá trị ưu tiên của tỉnh.

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU ĐỂ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TỈNH KHÁNH HÒA 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 1866 /QĐ-UBND ngày 03 6 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Mục tiêu	Đơn vị tính	Kết quả đến năm 2028	Kết quả đến năm 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Đóng góp của TFP (năng suất các nhân tố tổng hợp) vào tăng trưởng kinh tế	%	>50	>55	Sở Tài Chính	Sở KH&CN, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
2	Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu	%	>45	≥50	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
3	Tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển	%GRDP	≥1,5	≥2	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
4	Tỷ lệ nguồn ngoài ngân sách nhà nước trên tổng đầu tư xã hội cho nghiên cứu và phát triển	%	60	>60	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
5	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	%	2	≥ 2 và tăng dần	Sở Tài chính	Sở KH&CN, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan

6	Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian)	Người/Vạn dân	≥ 11	12	Sở KH&CN	Sở Giáo dục và Đào tạo, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
7	Tỷ lệ lực lượng lao động trí thức trong các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chiến lược	%	≥ 20	25	Sở KH&CN	Sở Công thương, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
8	Số lượt công bố khoa học quốc tế tăng bình quân	%/năm	10	10	Sở KH&CN	Các Viện, trường, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
9	Số đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng bình quân	%/năm	18	16 - 18	Sở KH&CN	Các Viện, trường, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
10	Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại trên tổng số văn bằng bảo hộ được cấp	%	8	8 - 10	Sở KH&CN	Các Viện, trường, các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
11	Chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương	Thứ bậc	Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước	Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
12	Số trung tâm đổi mới sáng tạo được hình thành	Trung tâm	1	2	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan

13	Chỉ số hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo	Thứ bậc	Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước	Nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
14	Số doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hỗ trợ	Doanh nghiệp	10	15	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
15	Số doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ được hỗ trợ	Doanh nghiệp	50	100	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
16	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp	%	40	40	Sở KH&CN	Sở Tài chính và các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
17	Tỷ lệ làm chủ nhóm công nghệ chiến lược của tỉnh	%	50	70	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
18	Tỷ lệ kết quả nghiên cứu từ viện, trường được thương mại hóa	%	25	≥ 30	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan

PHỤ LỤC 3
NHIỆM VỤ, SẢN PHẨM CỤ THỂ VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
Kèm theo Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 03 6 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm cụ thể	Tiến độ thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	**Nhóm cơ chế, chính sách và quản lý**				
1.1	Ban hành quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN	Quyết định UBND tỉnh	Năm 2026	Sở KH&CN	Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
1.2	Hoàn thiện quy định lập dự toán, mức chi, quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động KH,CN&ĐMST	Nghị quyết HĐND tỉnh	Năm 2026	Sở KH&CN	Sở Tài chính; Sở Tư pháp; Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
1.3	Ban hành Chương trình KH,CN&ĐMST phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên	Quyết định ban hành Chương trình	Năm 2026 - 2027	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
1.4	Hình thành danh mục bài toán ưu tiên theo ngành, lĩnh vực làm cơ sở lâu dài cho tuyển chọn nhiệm vụ	Danh mục bài toán ưu tiên theo ngành, lĩnh vực	Công bố và cập nhật hàng năm	Sở KH&CN	Các Sở, ngành; Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan

1.5	Nâng cao hiệu quả ứng dụng nhiệm vụ KH,CN&ĐMST	- Năm 2026: Trên 70% nhiệm vụ KH,CN&ĐMST xuất phát từ đặt hàng của sở, ngành, địa phương. - Năm 2030: 100% nhiệm vụ KH,CN&ĐMST xuất phát từ đặt hàng của sở, ngành, địa phương. - 100% nhiệm vụ được đánh giá sau nghiệm thu.	Giai đoạn 2026 - 2030	Sở KH&CN	Các Sở, ngành; Địa phương trong tỉnh
1.6	Phát triển hệ thống dữ liệu, chuẩn hóa thống kê, đánh giá KH,CN&ĐMST trên nền tảng số	Hệ thống quản lý nhiệm vụ KH&CN theo thời gian thực; 100% nhiệm vụ KH,CN&ĐMST đang triển khai được quản lý trên phần mềm	Năm 2026	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
II	**Nhóm về huy động và sử dụng nguồn lực**				
2.1	Thành lập và đưa vào hoạt động Quỹ Phát triển KH,CN&ĐMST tỉnh Khánh Hòa	- Hồ sơ thành lập Quỹ: Đề án, Quyết định thành lập; Điều lệ hoạt động; Cấp vốn. - Thành lập và phân công nhiệm vụ Hội đồng quản lý; Cơ quan điều hành; Ban kiểm soát. - Quỹ đi vào hoạt động.	Năm 2026	Sở KH&CN	Sở Tài chính; Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan

2.2	Triển khai mô hình ngân sách nhà nước dẫn dắt - xã hội cùng đầu tư	- Tối thiểu 50% nhiệm vụ KH,CN&ĐMST triển khi theo cơ chế đồng tài trợ. - Xây dựng cơ chế, áp dụng phiếu hỗ trợ tài chính (voucher) cho doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới, ĐMST.	Hàng năm	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
2.3	Liên kết, hợp tác phát triển KH,CN&ĐMST	Tối thiểu 03 thỏa thuận hợp tác được ký kết	Năm 2027 - 2028	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
III	**Nhóm hạ tầng KH&CN và Hệ sinh thái ĐMST**				
3.1	Trung tâm Nghiên cứu quốc gia về Công nghệ đại dương	Trung tâm được thành lập, từng bước đi vào hoạt động ổn định	Năm 2026	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
3.2	Chuyển đổi Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN thành Trung tâm ĐMST cấp tỉnh	- Đề án chuyển đổi được phê duyệt, Trung tâm vận hành theo mô hình mở, linh hoạt	Năm 2026	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
3.3	Đưa vào vận hành thực chất Không gian hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST của tỉnh	Hỗ trợ trên 10 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/năm	Hàng năm	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
3.4	Thành lập Công viên ĐMST	Đề án được phê duyệt	Năm 2026	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan

IV	**Về phát triển nguồn nhân lực**				
4.1	Chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST	Nghị quyết HĐND tỉnh	Năm 2026	Sở Nội vụ	Sở KH&CN; Sở Tài chính; Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
4.2	Xây dựng danh sách chuyên gia các ngành, lĩnh vực ưu tiên	Danh sách chuyên gia đầu ngành được cập nhật liên tục	Hàng năm	Sở KH&CN	
4.3	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý KH&CN chuyên nghiệp	Đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nghiệp vụ về: Quản lý nhiệm vụ KH,CN&ĐMST; Sở hữu trí tuệ; Đổi mới sáng tạo; Tiêu chuẩn Đo lường, Chất lượng…	Hàng năm	Sở KH&CN	Các Sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan
4.4	Lồng ghép đào tạo chuyên sâu trong quá trình triển khai nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ KH&CN	Ít nhất 30% nhiệm vụ KH&CN gắn với đào tạo và phát triển nguồn nhân lực	Hàng năm	Sở KH&CN	Đơn vị chủ trì nhiệm vụ